

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐIỆN BIÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 14/2026/DS-PT

Ngày: 23-4-2026

“V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thu Hương

Các Thẩm phán: Bà Bùi Thị Thu Hằng, ông Nguyễn Tiến Hưng

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Thu Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Ngọc Thắm - Kiểm sát viên.

Ngày 23/4/2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 17/2026/TLPT-DS, ngày 12 tháng 3 năm 2026 về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Do bản án dân sự sơ thẩm số 02/2026/DS-ST ngày 06/02/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 2- Điện Biên bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 18/2026/QĐ-PT ngày 03/4/2026 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị L, sinh năm: 1986; địa chỉ: Bản P, xã T (nay là phường M), tỉnh Điện Biên (có mặt).

Bị đơn: Ông Nguyễn Trọng C, sinh năm: 1981; địa chỉ: Thôn T, xã T (nay là phường M), tỉnh Điện Biên (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Bản án sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết nguyên đơn chị Lê Thị L trình bày:

Chị Lê Thị L là chị dâu họ của anh Nguyễn Trọng C. Chị và anh C có làm ăn chung cụ thể là chế biến tinh bột dong và sản xuất miến dong, rất nhiều lần chị chuyên tiền cho anh C bằng hình thức chuyển khoản những lần chuyển khoản cho anh C chị đều ghi rõ nội dung chuyển khoản. Do tin tưởng nên khi anh C hỏi vay tiền, chị đã chuyển tiền cho C vay 02 lần cụ thể:

Lần 1: Ngày 30/12/2023, chị chuyển khoản số tiền 150 triệu đồng vào tài khoản 3600072456 Ngân hàng BIDV chi nhánh tỉnh Điện Biên chủ tài khoản là Nguyễn Trọng C. Nội dung chuyển khoản là “*Chuyển tiền C vay*”.

Lần 2: Ngày 30/01/2024, chị chuyển khoản số tiền 60 triệu đồng vào tài khoản 3600072456 của anh C. Nội dung chuyển khoản là “*Chuyển tiền C vay trả anh H*”.

Chị L yêu cầu anh C phải trả cho chị số tiền đã vay là 210 triệu đồng tiền gốc. Lãi suất là 0,7%/tháng kể từ ngày chị chuyển tiền cho anh C

Tại phiên tòa chị L thay đổi yêu cầu khởi kiện đối với lãi suất. Chị không yêu cầu anh C trả lãi suất 0,7% mà chỉ yêu cầu anh C phải trả lãi suất chậm thi hành án đối với khoản tiền 210 triệu đồng tiền gốc sau khi bản án Tòa án đã xét xử có hiệu lực pháp luật.

Tại bản tự khai và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án. Bị đơn anh Nguyễn Trọng C trình bày:

Chị Lê Thị L là chị dâu họ của anh. Từ tháng 07 năm 2022 anh và vợ chồng anh Đỗ Quang D, chị Lê Thị L có góp vốn kinh doanh sản xuất tinh bột dong và sản xuất miến dong. Quá trình kinh doanh và sản xuất các bên có thống nhất, anh Đỗ Quang D chịu trách nhiệm sản xuất, chế biến, chị Lê Thị L bán hàng thu tiền và làm công tác kế toán. Trong quá trình làm ăn anh có ứng tiền của chị L nhiều lần trong đó có ngày 30/12/2023 anh ứng 150 triệu đồng và ngày 30/01/2024 anh ứng số tiền 60 triệu đồng. Hai lần ứng tiền của chị L, chị L đều chuyển cho anh vào số tài khoản của anh theo số tài khoản 3600072456 tại Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và phát triển Việt Nam chi nhánh tỉnh Điện Biên. Nội dung chuyển khoản chị L viết là “*chuyển tiền C vay*” và “*chuyển tiền C vay trả nợ anh H*”. Số tiền này là tiền anh tạm ứng một phần lãi của anh và vợ chồng chị L trong quá trình làm ăn chung. Anh và chị L thỏa thuận đây là tiền anh tạm ứng, sau khi quyết toán sổ sách và đối trừ công nợ thì hai bên tính toán sau. Khi anh nhận tiền chị L chuyển có nội dung “*chuyển tiền C vay*” và “*chuyển tiền C vay trả nợ anh H*” anh có trao đổi với chị L với nội dung chuyển tiền là không đúng, chị L nói là chót ghi nội dung như thế rồi thì thôi sau nay chót sổ sách sẽ tính toán sau khi anh trao đổi với chị L nội dung trên không ai biết và chứng kiến. Sổ sách chị L thuê người khác làm đến nay anh và chị L chưa cộng sổ sách với nhau. Số tiền chị L chuyển cho anh, anh đã sử dụng vào mục đích cá nhân vì đây là tiền lãi tạm tính trong quá trình làm ăn giữa anh và chị L. Quan điểm của anh C, anh không đồng ý trả số tiền theo yêu cầu của chị L vì anh và chị L chưa cộng sổ sách và thanh toán cho nhau.

Tại Bản án Dân sự sơ thẩm số: 02/2026/DS-ST ngày 06/02/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 2 - Điện Biên; Quyết định:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2025;

Điều 357; Điều 463; Điều 469; Điều 468 Bộ luật Dân sự;

Khoản 3 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị L.

Buộc anh Nguyễn Trọng C phải trả cho chị Lê Thị L số tiền gốc 210.000.000 đồng (Hai trăm mười triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, chị Lê Thị L có đơn yêu cầu thi hành án nếu anh Nguyễn Trọng C không tự nguyện thi hành đối với khoản tiền trên thì anh C còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí: Anh Nguyễn Trọng C phải chịu 10.500.000 đồng (Mười triệu năm trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Chị Lê Thị L được trả lại số tiền tạm ứng án phí 5.250.000 đồng (Năm triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) chị L đã nộp tại Thi hành án dân sự tỉnh Điện Biên theo biên lai thu tiền số 0000133 ngày 23/10/2025.

3. Ngoài ra bản án còn tuyên về quyền kháng cáo, quyền yêu cầu thi hành án của các đương sự theo quy định pháp luật.

Ngày 24/02/2026, bị đơn kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm số: 02/2026/DS-ST ngày 06/02/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 2 - Điện Biên. Tại cấp phúc thẩm bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Ý kiến phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên:

1. Về tuân theo pháp luật tố tụng

- Cấp sơ thẩm: Thẩm phán đã cơ bản giải quyết đúng trình tự, thủ tục luật định về việc thụ lý và giải quyết vụ án. Tòa án cấp sơ thẩm có tiến hành thu thập chứng cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ Luật tố tụng dân sự, bằng hình thức lấy lời khai của bị đơn anh Nguyễn Trọng C ngày 08/12/2025 và lấy lời khai của nguyên đơn chị Lê Thị L ngày 09/12/2025 nhưng không chuyển hồ sơ vụ án cùng Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho Viện kiểm sát cùng cấp là vi phạm khoản 1 Điều 27 Thông tư liên tịch số 02/2016/TTLT-VKSNDTC-TANDTC ngày 31/8/2016; khoản 2 Điều 220 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2025. Thẩm phán lấy lời khai của nguyên đơn nhưng không thông báo cho bị đơn và lấy lời khai bị đơn cũng không thông báo cho nguyên đơn là vi phạm khoản 5 Điều 97 BLTTDS.

- Cấp phúc thẩm: Quá trình giải quyết vụ án ở cấp phúc thẩm, Thẩm phán chủ tọa và những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

2. Tính có căn cứ, hợp pháp của kháng cáo

Anh Nguyễn Trọng C là bị đơn trong vụ án nêu trên nên có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 BLTTDS. Đơn kháng cáo của bị đơn nộp đúng thời hạn quy định tại Điều 273 BLTTDS nên được giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

3. Quan điểm giải quyết vụ án:

Bị đơn kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy toàn bộ Bản án sơ thẩm.

Xét về trình tự thủ tục thụ lý, giải quyết vụ án của Tòa án cấp sơ thẩm có vi phạm như đã nêu ở trên, đã làm mất quyền nghiên cứu hồ sơ và tham gia xét xử của Viện kiểm sát ngang cấp, cũng như ảnh hưởng đến quyền của các đương sự, nhưng không xâm phạm nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự nên chưa cần thiết phải hủy án, mà đề nghị Hội đồng xét xử nhận xét rút kinh nghiệm trong bản án phúc thẩm.

Xét về nội dung các đương sự đều thừa nhận chị L có 02 lần chuyển tổng số 210 triệu đồng cho anh C, phù hợp với sao kê tài khoản ngân hàng, nhưng anh C cho rằng số tiền này là tạm ứng một phần tiền lãi, lời khai của anh C mâu thuẫn với trích nội dung chuyển khoản từ chị L là chuyển tiền cho anh C vay. Mặc dù anh C khai sau khi chị L chuyển khoản anh đã trao đổi lại, chị L bảo chốt ghi nội dung như thế rồi, sau này chốt sổ tính toán sau, nhưng anh không có tài liệu gì chứng minh. Việc chuyển tiền cho vay giữa các đương sự không trái quy định pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên Tòa án cấp sơ thẩm tuyên buộc anh C phải trả cho chị L số tiền 210 triệu đồng là có căn cứ để chấp nhận. Về án phí cấp sơ thẩm cũng đã tính đúng theo quy định.

Vì vậy, không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của bị đơn. Áp dụng khoản 1 Điều 308 BLTTDS giữ nguyên bản án sơ thẩm số: 02/2026/DS-ST ngày 06/02/2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Điện Biên.

Về án phí phúc thẩm: Căn cứ khoản 1 Điều 148 BLTTDS, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326 của UBTWQH và Danh mục án phí kèm theo: Bị đơn kháng cáo không được chấp nhận phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm.

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nội dung yêu cầu kháng cáo của bị đơn, lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết

Căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ vụ án và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bị đơn có địa chỉ tại phường M, tỉnh Điện Biên, Tòa án cấp sơ thẩm xác định đây là vụ án tranh chấp "*Hợp đồng vay tài sản*", vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 2- Điện Biên theo quy định tại khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015 sửa đổi bổ sung 2025 là đúng quy định của pháp luật.

[2]. Xét thủ tục kháng cáo

Ngày 26/02/2026, Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Điện Biên tuyên án, ngày 23/02/2026, Tòa án nhân dân khu vực 2- Điện Biên nhận được đơn kháng cáo của bị đơn; ngày 02/3/2026 bị đơn nộp biên lai thu tạm ứng án phí phúc thẩm. Theo quy định tại các Điều 271, 272, 273, 276 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 sửa đổi bổ sung 2025 kháng cáo của bị đơn là hợp lệ được chấp nhận để xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[3]. Nội dung kháng cáo

Bị đơn kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm số: 02/2026/DS-ST ngày 06/02/2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Điện Biên

[4]. Xét nội dung kháng cáo

[4.1]. Về trình tự, thủ tục tiến hành tố tụng của Tòa án sơ thẩm: Trình tự, thủ tục tiến hành tố tụng của Tòa án cấp sơ thẩm cơ bản đầy đủ, việc đưa người tham gia tố tụng đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4.2]. Về quan hệ tranh chấp:

Tại bảng sao kê tài khoản số 3600960153 của chị Lê Thị L tại Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và phát triển Việt Nam chi nhánh tỉnh Điện Biên (bút lục 02-34) thể hiện chị L nhiều lần chuyển tiền vào tài khoản số 3600072456 tại Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và phát triển Việt Nam chi nhánh tỉnh Điện Biên, mỗi lần chuyển tiền cho anh C chị L đều ghi rõ nội dung chuyển tiền như: *Chuyen tien C ung di ha noi, chuyen tien C ung mua quat, chuyen tien C ung, chuyen tien cho C coc phen, chuyen tien cho C vay,...*

Ngày 30/12/2023, chị L chuyển khoản cho anh C số tiền 150 triệu đồng. Nội dung chuyển khoản là “*chuyen tien C vay*”. Ngày 30/01/2024, chị L chuyển khoản cho anh C số tiền 60 triệu đồng. Nội dung chuyển khoản là “*chuyen tien C vay tra anh H*”. Việc chị L chuyển khoản 02 lần cho anh C với tổng số tiền 210 triệu đồng được anh C thừa nhận đã nhận của chị L số tiền 210 triệu đồng tuy nhiên anh C cho rằng khoản tiền này không phải là tiền vay mà là tiền tạm ứng một phần lãi của anh và vợ chồng chị L trong quá trình làm ăn chung. Khi anh nhận tiền chị L chuyển có nội dung “*chuyển tiền C vay*” và “*chuyển tiền C vay trả nợ anh H*” anh có trao đổi với chị L với nội dung chuyển tiền vay là không đúng, chị L nói là chót ghi nội dung như thế rồi thì thôi sau nay chót sổ sách sẽ tính toán sau. Tuy nhiên ngoài lời khai anh C không có bất cứ tài liệu nào chứng minh cho lời khai của mình. Theo quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì hợp đồng vay tài sản không nhất thiết phải lập thành văn bản, vì vậy căn cứ vào nội dung chuyển tiền của chị L cho anh C vay Tòa án sơ thẩm xác định giữa chị L và anh C đã xác lập hợp đồng vay tài sản là có căn cứ. Hợp đồng vay tài sản không thể hiện thời hạn thanh toán, lãi vay trong hạn và quá hạn, cấp sơ thẩm xác định đây là hợp đồng vay không kỳ hạn theo khoản 1 Điều 469 Bộ luật Dân sự 2015 là có căn cứ.

Chị L yêu cầu anh C phải trả cho chị số tiền đã vay là 210 triệu đồng tiền gốc. Lãi suất là 0,7%/tháng kể từ ngày chị chuyển tiền cho anh C Tại phiên tòa sơ thẩm chị L không yêu cầu anh C trả lãi suất 0,7%/tháng mà chỉ yêu cầu anh C phải trả lãi suất chậm thi hành án đối với khoản tiền 210 triệu đồng sau khi bản án Tòa án đã xét

xử có hiệu lực pháp luật là có căn cứ phù hợp với quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự Bộ luật Dân sự 2015.

Tại phiên tòa phúc thẩm anh C không xuất trình thêm tài liệu chứng cứ nào để chứng minh do vậy, không có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của anh C về việc hủy bản án sơ thẩm số: 02/2026/DS-ST ngày 06/02/2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Điện Biên. Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát về việc giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 02/2026/DS-ST ngày 06/02/2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Điện Biên là có căn cứ Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5]. Về án phí: Căn cứ khoản 1 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2025; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng, án phí, lệ phí Tòa án.

Do cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm nên việc chịu án phí dân sự sơ thẩm của đương sự được giữ nguyên. Bị đơn kháng cáo không được chấp nhận phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm là 300.000 đồng theo biên lai số: 0000125 ngày 02/3/2026 tại Thi hành án dân sự tỉnh Điện Biên.

[6]. Một số vấn đề cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm:

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Điện Biên tiến hành lấy lời khai của đương sự nhưng không thông báo bằng văn bản cho Viện kiểm sát cùng cấp biết để tham gia phiên tòa sơ thẩm đồng thời không chuyển hồ sơ vụ án cùng Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho Viện kiểm sát cùng cấp là vi phạm khoản 1 Điều 27 Thông tư liên tịch số 02/2016/TTLT-VKSNDTC-TANDTC ngày 31/8/2016; khoản 2 Điều 220 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2025. Thẩm phán lấy lời khai của nguyên đơn nhưng không thông báo cho bị đơn và lấy lời khai bị đơn cũng không thông báo cho nguyên đơn là vi phạm khoản 5 Điều 97 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2025. Vi phạm nêu trên mặc dù ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của đương sự, nhưng xét thấy chưa đến mức nghiêm trọng, nội dung vụ án giải quyết đúng quy định của pháp luật, vì vậy yêu cầu Tòa án cấp sơ thẩm nghiêm túc rút kinh nghiệm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2025;

Căn cứ khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng, án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bị đơn về việc hủy Bản án dân sự sơ thẩm số: 02/2026/DS-ST ngày 06/02/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 2 - Điện Biên.

2. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 02/2026/DS-ST ngày 06/02/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 2 - Điện Biên, cụ thể như sau:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị L: Buộc anh Nguyễn Trọng C phải trả cho chị Lê Thị L số tiền gốc 210.000.000 đồng (Hai trăm mười triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, chị Lê Thị L có đơn yêu cầu thi hành án nếu anh Nguyễn Trọng C không tự nguyện thi hành đối với khoản tiền trên thì anh C còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

3. Về án phí:

3.1. Án phí dân sự sơ thẩm: Anh Nguyễn Trọng C phải chịu 10.500.000 đồng (Mười triệu năm trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Chị Lê Thị L được trả lại số tiền tạm ứng án phí 5.250.000 đồng (Năm triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) chị L đã nộp tại Thi hành án dân sự tỉnh Điện Biên theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000133 ngày 23/10/2025.

3.2. Anh Nguyễn Trọng C phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án: 0000125 ngày 02/3/2026 tại Thi hành án dân sự tỉnh Điện Biên.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (23/4/2026).

Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự báo cho người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự biết: Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Điện Biên;
- TAND Khu vực 2 - Điện Biên;
- THADS tỉnh Điện Biên
- Phòng THADS khu vực 2 - Điện Biên;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đã ký

Đỗ Thu Hương